

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2024 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 về công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định các dự án Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 3096/TTr-STTTT ngày 04/12/2024 và Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án tại Báo cáo số 20/HĐTĐDACNTT ngày 15/11/2024 (kèm theo hồ sơ của dự án).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm Công nghệ số Quốc gia - Cục Chuyển đổi số Quốc gia.

4. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hệ thống nền tảng điều hành an toàn, an ninh mạng tổng thể để theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo 100% đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã được thiết lập hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng; đảm bảo tỷ lệ lây nhiễm mã độc được khống chế dưới 20% trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

### 5. Quy mô đầu tư:

- Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống tại Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh, gồm: Bổ sung năng lực phần cứng cho hệ thống giám sát an ninh mạng (Máy chủ, hệ thống lưu trữ, phần mềm ảo hóa và hệ thống chuyển mạch) và triển khai 02 hệ thống phần mềm an toàn thông tin mạng (Hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin tập trung; Hệ thống điều phối, tự động và phản ứng an toàn thông tin mạng);

- Phần mềm bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cài đặt, đào tạo sử dụng hệ thống, chuyển giao công nghệ.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).*

### 6. Địa điểm đầu tư:

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và 558 Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### 7. Thiết kế cơ sở:

#### a) Giải pháp thiết kế cơ sở cần tuân thủ:

- Thông số kỹ thuật áp dụng phù hợp với danh mục các tiêu chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, gồm có:

- + Các tiêu chuẩn kết nối.
- + Các tiêu chuẩn tích hợp dữ liệu.
- + Các tiêu chuẩn truy cập thông tin.
- + Các tiêu chuẩn an toàn thông tin.

- Về an toàn thông tin cần đáp ứng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017, tiêu chuẩn về CNTT - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Các tiêu chuẩn về an toàn thông tin:

+ TCVN ISO/IEC 27001:2009 Công nghệ thông tin - Hệ thống quản lý an toàn thông tin – Các yêu cầu.

+ TCVN ISO/IEC 27002:2011 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn  
- Quy tắc thực hành Quản lý an toàn thông tin.

+ TCVN 8709-1:2011 ISO/IEC 15408-1:2009 Công nghệ thông tin- Các kỹ thuật an toàn- Các tiêu chí đánh giá an toàn CNTT- Phần 1: Giới thiệu và mô hình tổng quát.

+ TCVN 8709-2:2011 ISO/IEC 15408-2:2008 Công nghệ thông tin- Các kỹ thuật an toàn- Các tiêu chí đánh giá an toàn CNTT- Phần 2: Các thành phần chức năng an toàn.

+ TCVN 8709-3:2011 ISO/IEC 15408-3:2008 Công nghệ thông tin- Các kỹ thuật an toàn - Các tiêu chí đánh giá an toàn CNTT- Phần 3: Các thành phần đảm bảo an toàn.

+ TCVN 10295:2014 ISO/IEC 27005:2011 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn-Quản lý rủi ro an toàn thông tin.

+ TCVN 10541:2014 ISO/IEC 27003:2010 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hướng dẫn triển khai hệ thống quản lý an toàn thông tin.

+ TCVN 10543:2014 ISO/IEC 27010:2012 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Quản lý an toàn trao đổi thông tin liên tổ chức, liên ngành.

+ TCVN 11239:2015 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Quản lý sự cố an toàn thông tin.

+ TCVN 11386:2016 Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn – Phương pháp đánh giá an toàn công nghệ thông tin.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo:

Chi tiết cấu hình, tính năng kỹ thuật các trang thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại có thể được thay đổi theo nguyên tắc không thấp hơn cấu hình, tính năng kỹ thuật tại thiết kế cơ sở.

8. Tổng mức đầu tư của dự án: **98.147 triệu đồng**; trong đó:

- Chi phí trang thiết bị: 93.739 triệu đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 984 triệu đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư: 1.585 triệu đồng.
- Chi phí khác: 902 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng: 937 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).*

9. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ:

Nguồn kinh phí công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm (từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa).

Dự kiến phân bổ nguồn vốn: Không quá 03 năm, kể từ khi bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án.

10. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

12. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): Không có.

13. Các nội dung khác: Không có.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông (chủ đầu tư) có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; trong đó việc phê duyệt thiết kế, dự toán phải đảm bảo tuân thủ định mức sử dụng và quy định hiện hành của pháp luật, không được để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong đầu tư; đồng thời, thực hiện báo cáo định kỳ hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Hội đồng thẩm định dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị mình; có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện để chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

## Phụ lục 01: DANH MỤC THIẾT BỊ

**Dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>		
	<i>Tại Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh</i>		
1	Hệ thống phần cứng máy chủ bổ sung vào hệ thống máy chủ ảo hóa phục vụ phân tích, xử lý thông tin tập trung từ các máy trạm cài đặt phần mềm và các phần mềm được cài đặt tại hệ thống của Trung tâm dữ liệu	Bộ	8
2	Thiết bị lưu trữ dữ liệu tập trung của hệ thống giám sát vệ tinh tại các máy tính người dùng trong tỉnh	Bộ	1
3	Thiết bị chuyển mạch thiết bị lưu trữ dữ liệu	Bộ	2
4	Thiết bị chuyển mạch để thực hiện thiết lập chuyển mạch kênh truyền thu thập dữ liệu tập trung từ hệ thống giám sát vệ tinh tại các máy tính người dùng trong tỉnh	Bộ	2
<b>II</b>	<b>PHẦN MỀM AN TOÀN THÔNG TIN</b>		
	<i>Tại Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh</i>		
<b>1</b>	<b>Hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin tập trung</b>		
1.1	Phần mềm tổng hợp, phân tích và cảnh báo sớm sự cố an toàn thông tin từ hệ thống giám sát vệ tin	Phần mềm	1
1.2	Phần mềm nền tảng tri thức ATTT	Phần mềm	1
<b>2</b>	<b>Hệ thống điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng</b>		
2.1	Phần mềm điều phối, tự động hóa phản ứng an ninh thông tin	Phần mềm	1
2.2	Phần mềm quản lý sự cố ATTT	Phần mềm	1
2.3	Phần mềm quản lý dịch vụ ATTT	Phần mềm	1
2.4	Phần mềm ảo hóa VMWare vSphere kèm Phần mềm quản lý ảo hóa vCenter trên một core cho phần cứng các máy chủ bổ sung (8 máy chủ x 2CPU x 28 core = 448 license) trong 5 năm	Phần mềm	448
	<i>Tại các hệ thống thông tin UBND cấp xã</i>		
1	Phần mềm thu thập dữ liệu đầu cuối trên các máy tính người dùng	License 5 năm	8.810

## Phụ lục 02: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
	<b>Tổng cộng</b>		<b>98.147</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây lắp</b>		<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí trang thiết bị</b>		<b>93.739</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí mua sắm thiết bị CNTT</b>		<b>93.716</b>
1.1	Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu		53.969
1.2	Phần mềm an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu		19.043
1.3	Phần mềm thu thập dữ liệu đầu cuối tại 558 UBND cấp xã		20.703
<b>2</b>	<b>Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng</b>		<b>23,4</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>1,1073% *Gtb</b>	<b>984</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>		<b>1.585</b>
1	Chi phí tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi	<i>Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; hợp đồng tư vấn và theo Nghị định quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng của chính phủ</i>	374,1
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo Nghiên cứu khả thi	<i>Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; hợp đồng tư vấn và theo Nghị định quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng của chính phủ</i>	36,1
3	Chi phí tư vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán	0,5497% *Gtb	527,4
4	Chi phí thẩm tra thiết kế chi tiết	0,0238% *Gtb	22,8
5	Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cho gói thầu Tư vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán	<i>Lập dự toán</i>	6,8
6	Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Tư	<i>Lập dự toán</i>	5,8

<b>STT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Cách tính</b>	<b>Thành tiền</b>
	vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán		
7	Chi phí thẩm tra dự toán	$0,0198\% * Gtb$	18,9
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	$0,0874\% * Gtb$	83,8
9	Chi phí giám sát công tác triển khai	$0,3461\% * Gtb$	338,2
10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu; Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho thiết bị	<i>Lập dự toán</i>	170,9
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>902</b>
1	Lệ phí thẩm định dự án	$0,0126\% * TMĐT$	12,3
2	Chi phí kiểm toán	$0,444\% * Gđnkt * 0,7$	332,3
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0,228\% * Gđnqt * 0,7 * 0,5$	77,6
4	Chi phí thẩm định giá	$0,5\% * Gtb$	479,7
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	1,00%	<b>937</b>